

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 Đinh Vũ, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28135
	Giờ: Ngày 13 tháng 8 năm 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
Kèm theo
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2012

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kiểm toán	4 – 5
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
-	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 – 7
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	8
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 18 tháng 07 năm 2011. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đinh Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa biển đường; Vận tải hàng hóa ven biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ liên quan khác đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm:
Các thành viên của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch	20/04/2008	20/04/2013
2	Ông Lê Thái Cường	Ủy viên	20/04/2008	20/04/2013

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu nhiệm vụ	Ngày kết thúc nhiệm vụ
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên	10/04/2010	20/04/2013
4	Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên	20/04/2008	20/04/2013
5	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên	18/08/2011	20/04/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Bùi Chí Hùng	Thành viên
3	Bà Trần Thị Thùy Dương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Đình Chung- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty trong những năm tài chính tiếp theo.

Các sự kiện trong năm tài chính

Thay đổi chính sách kế toán đối với khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính (đầu tư vào Công ty con). Theo đó, khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính được ghi nhận theo Thông báo cổ tức căn cứ vào tình hình Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

<Nguồn: Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2012/NQ-HĐQT ngày 25/04/2012>

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc *kỳ hoạt động* đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN ĐÌNH CHUNG



Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2012

Số: 287/2012/CPA-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 30/07/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 10 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN DÒ

NGUYỄN NGỌC TÌNH

Chứng chỉ KTV số: 0231/KTV

Chứng chỉ KTV số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		54.924.758.670	51.431.058.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.104.362.419	5.073.912.190
1. Tiền	111	V.01	2.104.362.419	5.073.912.190
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		23.903.398.203	25.369.557.159
1. Phải thu khách hàng	131		17.695.043.385	15.335.985.304
2. Trả trước cho người bán	132		957.753.026	4.758.648.309
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02	5.637.836.883	5.662.158.637
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(387.235.091)	(387.235.091)
IV. Hàng tồn kho	140		16.714.257.770	9.780.654.716
1. Hàng tồn kho	141	V.03	16.714.257.770	9.780.654.716
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.202.740.278	11.206.934.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.152.178.973	697.481.644
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	1.714.493.826	1.380.100.176
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		100.399.381	156.131.475
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.235.668.098	8.973.221.050
B. Tài sản dài hạn	200		174.843.144.405	174.171.146.391
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		137.835.812.297	133.101.274.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	123.944.463.182	112.864.944.999
- Nguyên giá	222		175.476.631.581	154.514.387.417
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(51.532.168.399)	(41.649.442.418)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	-	2.507.650.658
- Nguyên giá	225		-	5.349.655.238
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(2.842.004.580)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	9.248.908.098	9.459.629.135
- Nguyên giá	228		12.191.164.708	12.191.164.708
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.942.256.610)	(2.731.535.573)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	4.642.441.017	8.269.049.708
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.080.000.000	1.458.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.566.000.000	1.566.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(486.000.000)	(108.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.823.816.970	4.071.226.742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.750.113.435	3.202.314.610
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		73.703.535	868.912.132
VI. Lợi thế thương mại	269	V.10	33.103.515.138	35.540.645.149
Tổng cộng tài sản	270		229.767.903.075	225.602.204.801

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Nợ phải trả	300		74.717.933.010	68.146.443.924
I. Nợ ngắn hạn	310		63.735.932.990	53.693.253.176
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	45.862.580.996	35.151.462.188
2. Phải trả người bán	312		6.431.840.040	7.031.536.369
3. Người mua trả tiền trước	313		346.843.653	950.609.277
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.807.148.813	2.029.165.878
5. Phải trả người lao động	315		1.701.853.803	1.835.225.530
6. Chi phí phải trả	316	V.13	45.629.666	88.511.884
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	5.110.197.916	6.218.939.435
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		429.838.103	387.802.615
II. Nợ dài hạn	330		10.982.000.020	14.453.190.748
1. Phải trả dài hạn khác	333		91.000.000	415.363.636
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	10.891.000.020	14.037.827.112
B Vốn chủ sở hữu	400		148.615.202.235	150.991.890.852
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	148.615.202.235	150.991.890.852
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(982.776.400)	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		1.852.665.786	2.742.386.157
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.429.953.349	9.934.145.195
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		6.434.767.830	6.463.870.025
Tổng cộng nguồn vốn	440		229.767.903.075	225.602.204.801

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Thủy



Nguyễn Đình Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	61.475.318.928	67.039.045.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.18	57.285.804	-
+ Hàng bán bị trả lại			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	61.418.033.124	67.039.045.175
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	40.761.340.821	41.056.526.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.656.692.303	25.982.518.571
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	139.356.416	451.897.639
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	5.316.929.261	6.405.164.361
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.315.574.975	6.396.540.352
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.272.021.111	11.077.833.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.207.098.347	8.951.418.090
11. Thu nhập khác	31		363.622.009	23.878.745
12. Chi phí khác	32		407.826.591	-
13. Lợi nhuận khác	40		(44.204.582)	23.878.745
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.162.893.765	8.975.296.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	1.776.908.190	2.189.156.970
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		73.703.535	281.667.030
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.459.689.110	7.067.806.895
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		144.902.660	152.865.170
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		6.314.786.450	6.914.941.726
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	503	628

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc




Nguyễn Đình Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	143.658.817.271	179.003.265.877
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(131.205.793.832)	(92.713.751.783)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.578.500.405)	(13.273.972.954)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.765.040.828)	(6.108.437.608)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(752.741.947)	(2.973.774.390)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	156.955.618.482	115.382.468.767
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(143.327.018.281)	(133.504.640.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.985.340.460	45.811.157.107
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.237.531.961)	(267.204.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.549.498.437	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(26.549.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.500.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.763.433.636	8.550.585.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.075.400.112	(14.765.619.428)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	35.879.837.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	(982.776.400)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	98.967.213.600	27.593.377.351
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(108.166.745.834)	(78.978.463.537)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(451.006.000)	(451.006.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.396.975.709)	(14.771.991.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.030.290.343)	(30.728.245.985)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.969.549.771)	317.291.694
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.073.912.190	2.206.782.506
ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.104.362.419	2.524.074.200

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc




Nguyễn Đình Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 18 tháng 07 năm 2011. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đinh Vũ, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa biển dương; Vận tải hàng hóa ven biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);

- Hoạt động dịch vụ liên quan khác đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ móc;

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;

- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ
1. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%
2. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	99,68%
3. Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	99,35%
4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	99,00%
5. Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100,00%
6. Công ty TNHH Container Minh Thành	75,83%

7. Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

100,00%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế

toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- *Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:*

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các}}$$

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 là 25%

Thuế giá trị gia tăng: Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác: Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

15. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính:

Theo thông tư 210, Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản ch vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ phải trả người bán và các khoản phải trả khác, vay và nợ vay.

Giá trị sau khi ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.124.734.602	2.078.342.146
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	857.598.266	379.828.082
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	28.325.820	536.774.148
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	38.037.048	270.590.627
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	73.047.646	311.945.161
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	45.968.382	538.308.938
Công ty TNHH MTV Vtải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	8.004.345	14.572.371
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	36.343.792	23.532.067
Công ty TNHH Container Minh Thành	37.409.303	2.790.752
Tiền gửi ngân hàng	979.627.817	2.995.570.044
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	385.926.624	316.633.966
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	47.427.664	396.120.871
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	256.607.981	1.291.029.533
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	31.885.678	667.769.596
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	45.740.536	224.932.494
Công ty TNHH MTV Vtải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	157.209.357	61.754.101
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	5.729.032	1.755.607
Công ty TNHH Container Minh Thành	49.100.945	35.573.876
Cộng:	2.104.362.419	5.073.912.190
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu khác		
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	281.967.898	267.653.434
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	437.004.032	284.058.461
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.118.762.989	3.547.030.235
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	10.855.583	445.507.846
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	12.953.661	286.556.086
Công ty TNHH MTV Vtải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	146.183.294	241.743.650
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	446.360.345	506.360.345
Công ty TNHH Container Minh Thành	183.749.081	83.248.580
Cộng:	5.637.836.883	5.662.158.637
03. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	3.241.583.050	4.172.221.425
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	3.096.473.600	3.884.821.480
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	34.353.436	7.534.100

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	110.756.014	279.865.845
Công cụ, dụng cụ	35.504.547	35.504.547
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	35.504.547	35.504.547
Chi phí SXKD dở dang	-	90.937.733
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	90.937.733
Hàng hoá	13.437.170.173	5.481.991.011
Cty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải	7.378.984.872	33.424.495
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	997.750.658	-
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	183.292.625	225.417.822
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	3.129.152.766	2.012.954.008
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	912.418.367	568.652.002
Công ty TNHH Container Minh Thành	835.570.885	2.641.542.684
Cộng:	16.714.257.770	9.780.654.716

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Thuế GTGT còn được khấu trừ</i>	1.714.493.826	1.380.100.176
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	615.898.590	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	82.627.164
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH MTV Vtái ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.044.157.104	41.138.245
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	54.438.132	80.113.011
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.176.221.756
Cộng:	1.714.493.826	1.380.100.176

05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
I. Nguyên giá tài sản cố định	175.476.631.581	154.514.387.417
Nhà cửa vật kiến trúc	89.557.643.998	84.297.702.113
Máy móc thiết bị	30.129.353.714	34.830.376.461
Phương tiện vận tải	54.274.156.852	33.849.402.127
Tài sản cố định khác	1.515.477.017	1.536.906.716
<u>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</u>	51.532.168.399	41.649.442.418
Nhà cửa vật kiến trúc	17.568.087.322	15.216.286.103
Máy móc thiết bị	11.424.806.219	12.885.795.414
Phương tiện vận tải	21.702.925.635	12.806.719.710
Tài sản cố định khác	836.349.223	740.641.191
<u>III. Giá trị còn lại</u>	123.944.463.182	112.864.944.999
Nhà cửa vật kiến trúc	71.989.556.676	69.081.416.010
Máy móc thiết bị	18.704.547.495	21.944.581.047

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phương tiện vận tải	32.571.231.217	21.042.682.417
Tài sản cố định khác	679.127.794	796.265.525
06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	-	5.349.655.238
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	5.349.655.238
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	-	2.842.004.580
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	2.842.004.580
III. Giá trị còn lại	-	2.507.650.658
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	2.507.650.658
07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	12.191.164.708	12.191.164.708
Quyền sử dụng đất	10.332.596.277	10.332.596.277
Tài sản cố định vô hình khác	1.858.568.431	1.858.568.431
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	2.942.256.610	2.731.535.573
Quyền sử dụng đất	1.851.959.259	1.685.108.925
Tài sản cố định vô hình khác	1.090.297.351	1.046.426.648
III. Giá trị còn lại	9.248.908.098	9.459.629.135
Quyền sử dụng đất	8.480.637.018	8.647.487.352
Tài sản cố định vô hình khác	768.271.080	812.141.783
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Container Minh Thành	817.263.034	3.950.000
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	911.878.606	737.260.044
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	455.681.648	281.264.340
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.457.617.729	7.246.575.324
Cộng:	4.642.441.017	8.269.049.708
09. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng chờ phân bổ		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	56.731.235	90.748.744
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	16.579.171	143.933.152
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	719.208.830	1.095.499.252
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.286.578.320	1.256.373.375
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	220.956.750	115.698.064
Công ty TNHH MTV Vtài ĐPT Duyên Hải Hà Nội	54.496.678	13.864.166

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	289.271.043	349.208.870
Công ty TNHH Container Minh Thành	106.291.408	136.988.987
Cộng:	2.750.113.435	3.202.314.610

10. Lợi thế thương mại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lợi thế thương mại	33.103.515.138	35.540.645.149
Cộng:	33.103.515.138	35.540.645.149

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	-	-
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	5.450.410.645
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (1*)	3.937.363.503	3.957.441.541
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải (2*)	11.293.592.620	11.968.474.821
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (3*)	4.066.217.030	5.691.865.669
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (4*)	4.883.742.890	5.680.153.895
Công ty TNHH MTV Vtải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.999.288.512	681.183.300
Công ty TNHH Container Minh Thành (5*)	19.682.376.441	1.721.932.317
Cộng:	45.862.580.996	35.151.462.188

(1*) Khoản vay này do Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng với lãi suất 12%-15% /năm tùy theo từng thời điểm vay. Các khoản vay được đảm bảo bằng 05 Xe ô tô đầu kéo, 08 xe rơ moóc chuyên dùng và quyền sử dụng đất của căn nhà số 219 Lạch Tray, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải Phòng

(2*) Khoản vay này do Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng với lãi suất cho vay từ 12-15%/năm tùy theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ nhà xưởng, hệ thống kho bãi, văn phòng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình kiến trúc trên diện tích 9.024 m2 tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(3*) Khoản vay này do Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền với lãi suất cố định 15.5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc (trừ nhà kho và công trình công nghiệp) được Công ty xây dựng trên diện tích đất 19.990 m2 tại Km 104 + 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(4*) Khoản vay này do Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ với lãi suất cho vay từ 12% - 15%/năm tùy theo từng thời điểm vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, kho bãi trên diện tích đất thuê của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ.

(5*) Khoản vay này do Công ty TNHH Container Minh Thành vay của các cá nhân bên ngoài, vay bằng tín chấp.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế GTGT	1.654.710.251	363.802.407
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	281.083.831	130.071.647
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	446.635.625	(834.116)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	285.795.793	106.339.483
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	516.311.403	127.742.922
Công ty TNHH Container Minh Thành	124.883.599	
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	482.471
- Thuế đất	-	511.080.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	511.080.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.140.994.618	1.106.280.111
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	203.135.683	54.408.219
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	262.559.112	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	322.211.712	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.208.488.849	995.973.115
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	137.534.690	53.322.150
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	2.576.627
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	7.064.572	-
- Thuế thu nhập cá nhân	11.443.944	48.003.360
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	172.715	1.796.637
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	538.693
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	7.940.696	36.479.976
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải HN	285.301	-
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	220.927	6.593.706
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.376.627	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	1.447.678	2.594.348
Cộng:	3.807.148.813	2.029.165.878
13. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	88.511.884
Công ty TNHH Container Minh Thành	45.629.666	-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cộng:	45.629.666	88.511.884
14. Phải trả, phải nộp khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả, phải nộp khác	5.110.197.916	6.218.939.435
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	14.527.926	1.679.455.456
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	294.312.228	685.364.819
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	59.647.029	169.337.843
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.197.675	370.248.183
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	2.816.410.926	1.167.871.909
Công ty TNHH MTV Vtải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	40.100
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	10.715.174
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.919.102.132	2.135.905.951
Cộng:	5.110.197.916	6.218.939.435
15. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	10.891.000.020	13.586.821.112
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Đông Hải Phòng (1*)</i>	1.526.000.000	1.909.000.000
CTy TNHH MTVVTĐa phương thức Duyên Hải Hà Nội	-	-
<i>Ngân hàng NN&PTNT Tây Hà Nội (2*)</i>	5.030.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
<i>Ngân hàng cổ phần Công thương Nam Việt Trì (3*)</i>	910.000.000	1.017.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	-
<i>Ngân hàng công thương Lê Chân</i>	-	5.535.821.092
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Hải Phòng (4*)</i>	3.425.000.020	5.125.000.020
Nợ dài hạn	-	451.006.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
CN Công ty cho thuê Tài chính 1 Hải Phòng	-	451.006.000
Cộng:	10.891.000.020	14.037.827.112

(1*) Khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Hải Phòng được thế chấp và đảm bảo bằng tài sản là 10 Xe đầu kéo Rơ moóc hiệu Hải Âu.

(2*) Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Tây Hà Nội được thế chấp bằng 20 Xe đầu kéo, rơ moóc hiệu Faw Trung Quốc.

(3*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Nam Việt Trì được đảm bảo bằng 01 xe cẩu 25 tấn SMV, sản xuất tại Thụy điển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(4*) Khoản vay của Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Hải Phòng được thế chấp bằng 02 xe nâng 45 tấn SMV, Sản xuất tại Thụy điển và Công trình kho bãi điện máy 23.500 m2 đất của Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đã góp)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	80.585.480.000	71.579.280.000
Vốn góp của CBCNV	5.218.600.000	32.551.360.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	42.895.920.000	24.569.360.000
<u>Cộng:</u>	<u>128.700.000.000</u>	<u>128.700.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.700.000.000	100.795.330.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		27.904.670.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	128.700.000.000	128.700.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	10.396.975.709

d. Cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	9%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

đ. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.870.000	12.870.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.770.000	12.870.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.870.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.770.000	12.870.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.870.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	Đơn vị tính: Đồng
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu vận tải	33.782.122.349	33.519.522.588
Doanh thu cho thuê kho	7.128.168.917	7.773.292.540
Doanh thu cho thuê bãi	13.982.289.919	15.247.734.894
Doanh thu xuất tàu Shipline	1.465.251.073	1.597.861.298
Doanh thu thương mại	5.117.486.670	8.900.633.855
Cộng:	61.475.318.928	67.039.045.175
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
18. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế xuất khẩu	57.285.804	-
Cộng	57.285.804	-
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu vận tải	33.782.122.349	33.519.522.588
Doanh thu cho thuê kho	7.128.168.917	7.773.292.540
Doanh thu cho thuê bãi	13.982.289.919	15.247.734.894
Doanh thu xuất tàu Shipline	1.465.251.073	1.597.861.298
Doanh thu thương mại	5.060.200.866	8.900.633.855
Cộng:	61.418.033.124	67.039.045.175
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
20. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán và dịch vụ		
Trong đó:		
Giá vốn vận tải	21.723.151.823	21.880.466.706
Giá vốn cho thuê kho	3.763.151.166	3.790.403.182
Giá vốn cho thuê bãi	11.128.279.809	11.208.868.669
Giá vốn xuất tàu Shipline	311.577.407	313.833.791
Giá vốn thương mại	3.835.180.616	3.862.954.256
Cộng:	40.761.340.821	41.056.526.604
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	139.356.416	451.897.639

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	139.356.416	451.897.639
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Cộng:		
22. Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	5.315.574.975	6.396.540.352
Chênh lệch tỷ giá	1.354.286	8.624.009
Cộng:	5.316.929.261	6.405.164.361
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.776.908.190	2.189.156.970
Cộng:	1.776.908.190	2.189.156.970
24. Chi phí sản xuất theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.215.763.305	7.268.018.474
Chi phí nhân công	9.641.428.394	9.711.249.762
Chi phí Khấu hao TSCĐ	6.714.312.239	6.762.935.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.663.157.362	12.754.861.510
Chi phí bằng tiền khác	4.526.679.521	4.559.460.863
Cộng:	40.761.340.821	41.056.526.604
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ. Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.459.689.110	7.067.806.895
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng		-
Các khoản điều chỉnh giảm		-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.459.689.110	7.067.806.895
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.853.333	12.254.470
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	503	628

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).

27. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Số cuối kỳ	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.104.362.419	2.104.362.419
Phải thu khách hàng	17.695.043.385	17.695.043.385
Phải thu khác	5.637.836.883	5.637.836.883
Các khoản tài chính dài hạn khác	1.566.000.000	1.080.000.000
Cộng	27.003.242.687	26.517.242.687
	Số cuối kỳ	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn	45.862.580.996	45.862.580.996
Phải trả người bán	6.431.840.040	6.431.840.040
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.110.197.916	5.110.197.916
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	91.000.000	91.000.000
Vay và nợ dài hạn	10.891.000.020	10.891.000.020
Cộng	68.386.618.972	68.386.618.972

28. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp

**Tại thời điểm
30/06/2012**

a. Bố trí cơ cấu tài sản:	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	76%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	24%
b. Tỷ suất sinh lợi:	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	11%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	4%

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	33%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	1%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	93%

29. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT
9	Ông Nguyễn Đình Chung	CT HĐQT kiêm TGĐ

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Giá vốn dịch vụ		5.748.274.416
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Chi phí thuê bãi, Cước nâng hạ, Cước v/chuyển	3.142.138.737
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Chi phí thuê bãi. Chi phí sửa chữa conts. Chi phí thuê văn phòng.	1.077.810.907
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Chi phí vận chuyển	799.329.319
4 Công ty TNHH Container Minh Thành	Chi phí cước nâng hạ. Cước vận chuyển. Chi phí thuê văn phòng	728.995.453
- Doanh thu dịch vụ		3.678.373.611
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Cho thuê xe nâng 45 tấn, điện thoại	893.731.587
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Dịch vụ điện thoại	25.617.562
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Cho thuê xe ô tô, thuê VP, điện thoại, gửi xe	1.742.928.539

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4	Công ty TNHH TT Mỹ phẩm Duyên Hải	Bán mỹ phẩm, Điện thoại, thuê văn phòng	572.091.636
5	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Cước vận tải, cước biển.	423.913.169
6	Cty TNHH MTV VT ĐPT DH Hà Nội	Dịch vụ điện thoại	4.393.441
7	Công ty TNHH Container MinhThành	Dịch vụ bảo vệ, ĐT	15.697.677
- Cổ tức và lợi nhuận được chia			21.690.474.690
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	1.049.358.323
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận	3.825.676.381
3	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	1.787.200.383
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận	22.549.205
5	Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	606.274.126
6	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	14.399.416.272
- Các khoản phải thu			Tại ngày 30/06/2012
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	227.040.000
2	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	47.602.800
3	Cty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	997.506
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu	929.645.989
Cộng			1.205.286.295
- Các khoản phải thu khác			Tại ngày 30/06/2012
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	719.528.789
2	Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	1.139.956.027
3	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ phải thu	3.539.622.105
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	8.162.130.843
5	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu	637.601.072
6	Cty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	8.549.541.770
Cộng			22.748.380.606
- Phải trả người bán			Tại ngày 30/06/2012
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	29.383.750
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ phải trả	224.959.801
3	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	887.345.007
Cộng			1.141.688.558
- Các khoản phải trả khác			Tại ngày 30/06/2012
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	4.284.136.151

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cộng

4.284.136.151

Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Từ 01/01/2012

đến 30/06/2012

Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

299.521.570

VII. Thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK.

2. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Thủy



Nguyễn Đình Chung

Phụ lục số 01:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	100.795.330.000	2.727.192.000	-	1.627.114.619	13.343.776.847	118.493.413.466
Tăng vốn trong năm trước	27.904.670.000	6.888.167.500	-	-	-	34.792.837.500
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.470.633.509	12.470.633.509
Tăng khác	-	-	-	1.115.271.538	-	1.115.271.538
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	15.880.265.161	15.880.265.161
						-
2. Số dư cuối năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	-	2.742.386.157	9.934.145.195	150.991.890.852
3. Số dư đầu năm nay	128.700.000.000	9.615.359.500	-	2.742.386.157	9.934.145.195	150.991.890.852
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	6.459.689.110	6.459.689.110
Tăng khác	-	-	-	-	908.995.094	908.995.094
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	982.776.400	889.720.371	7.872.876.051	9.745.372.822
						-
4. Số dư tại ngày 30/06/2012	128.700.000.000	9.615.359.500	(982.776.400)	1.852.665.786	9.429.953.349	148.615.202.235

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)